

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số $\frac{24056}{1000}$ được viết thành số thập phân là:

- A. 24,56 B. 24,056 C. 24,0056 D. 2,4056

Phương pháp

Viết phân số thập phân thành hỗn số có chứa phân số thập phân, sau đó chuyển về dạng số thập phân.

Lời giải

$$\text{Ta có } \frac{24056}{1000} = 24 \frac{56}{1000} = 24,056$$

Đáp án: B

Câu 2. Kết quả của phép tính $790 : 0,01$ là:

- A. 7,90 B. 0,79 C. 7 900 D. 79 000

Phương pháp

Muốn chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

$$\text{Ta có } 790 : 0,01 = 790 \times 100 = 79\ 000$$

Đáp án: D

Câu 3. Tỷ số phần trăm của 78 và 200 là:

- A. 3,9 % B. 4,2 % C. 39 % D. 15,6 %

Phương pháp

Muốn tìm tỷ số phần trăm của hai số, ta làm như sau:

- Tìm thương của hai số.
- Nhân thương của hai số đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

Lời giải

$$\text{Tỷ số phần trăm của 78 và 200 là } 78 : 200 = 0,39 = 39\%$$

Đáp án: C

Câu 4. Chọn dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm $56,81 - 33,74 \dots\dots\dots 28,6$.

- A. = B. > C. < D. Đáp án khác

Phương pháp

Thực hiện tính rồi so sánh kết quả ở hai vế.

Lời giải

Ta có $56,81 - 33,74 = 23,07$

Vậy $56,81 - 33,74 < 28,6$

Đáp án: C

Câu 5. Một chặng đua xe đạp xuyên Việt có độ dài 210 km. Vậy trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, chặng đua đó dài:

A. 21 cm

B. 2,1 cm

C. 12 cm

D. 10,5 cm

Phương pháp

- Đổi sang đơn vị cm

- Độ dài trên bản đồ = Độ dài thực tế : số lần thu nhỏ

Lời giải

Đổi: 210 km = 21 000 000 cm

Vậy trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000, chặng đua đó dài:

$$21\,000\,000 : 1\,000\,000 = 21 \text{ (cm)}$$

Đáp án: A

Câu 6. Nhân ngày Quốc khánh 2 – 9, một cửa hàng giảm giá 15% tất cả các mặt hàng. Mẹ mua cho Huy một chiếc áo có ghi giá 180 000 đồng. Sau khi giảm giá, chiếc áo có giá là:

A. 27 000 đồng

B. 153 000 đồng

C. 165 000

D. 145 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền được giảm giá = Giá niêm yết : 100 x số phần trăm giảm giá

- Tìm giá của chiếc áo sau khi giảm

Lời giải

Chiếc áo được giảm giá số tiền là:

$$180\,000 : 100 \times 15 = 27\,000 \text{ (đồng)}$$

Sau khi giảm giá, chiếc áo có giá là:

$$180\,000 - 27\,000 = 153\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính giá trị biểu thức

a) $(1,25 \times 42 + 216,54 \times 10) : 0,1$

b) $72,16 - 4,05 \times 4 - 135 : 4$

Phương pháp

a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính ở trong ngoặc trước.

b) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } (1,25 \times 42 + 216,54 \times 10) : 0,1 &= (52,5 + 2165,4) : 0,1 \\ &= 2217,9 : 0,1 \\ &= 22\,179 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 72,16 - 4,05 \times 4 - 135 : 4 &= 72,16 - 16,2 - 33,75 \\ &= 55,96 - 33,75 = 22,21 \end{aligned}$$

Câu 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

$$385 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ km} \qquad 89 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

$$2 \text{ km}^2 \text{ } 37 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ km}^2 \qquad 14 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m} = \frac{1}{1000} \text{ km}$; $1 \text{ g} = \frac{1}{1000} \text{ kg}$

$$1 \text{ m}^2 = \frac{1}{1000000} \text{ km}^2; \quad 1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

Lời giải

$$385 \text{ m} = \mathbf{0,385} \text{ km} \qquad 89 \text{ g} = \mathbf{0,089} \text{ kg}$$

$$2 \text{ km}^2 \text{ } 37 \text{ m}^2 = \mathbf{2,000037} \text{ km}^2 \qquad 14 \text{ ha} = \mathbf{0,14} \text{ km}^2$$

Câu 3. Trong vườn có 250 cây, gồm các loại cây cam, cây nhãn và cây na. Số cây cam chiếm 28% và số cây nhãn chiếm 30%. Vậy trong vườn có bao nhiêu cây na?

Phương pháp

- Tìm số phần trăm của cây na trong vườn
- Tìm số cây na trong vườn = Tổng số cây : 100 x số phần trăm của cây na

Lời giải

Trong vườn cây na chiếm số phần trăm là:

$$100 \% - (28 \% + 30 \%) = 42 \%$$

Số cây na trong vườn là:

$$250 : 100 \times 42 = 105 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 105 cây na

Câu 4. Một khu vui chơi trẻ em có chiều dài là 120 m và chiều rộng là 95 m.

Trên bản đồ tỉ lệ 1: 1 000, hãy tìm:

a) Chu vi hình thu nhỏ (theo đơn vị cm)

b) Diện tích thu nhỏ (theo đơn vị cm^2)

Phương pháp

a) - Tìm chiều dài và chiều rộng trên bản đồ

- Chu vi = (chiều dài + chiều rộng) x 2

b) Diện tích hình thu nhỏ = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

a) Đổi: 120 m = 12 000 cm, 95 m = 9 500 cm

Chiều dài trên bản đồ là:

$$12\ 000 : 1\ 000 = 12 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng trên bản đồ là:

$$9\ 500 : 1\ 000 = 9,5 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình thu nhỏ là:

$$(12 + 9,5) \times 2 = 43 \text{ (cm)}$$

b) Diện tích hình thu nhỏ là:

$$12 \times 9,5 = 114 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 43 cm

b) 114 cm²